

Số: 76/2021/QĐST-HNGĐ

M, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Q ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 56/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn*: A **Nguyễn Văn B** (Tên gọi khác: **Nguyễn Văn B**), sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Đội 09, thôn K, xã V, huyện M, Thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Đinh Thị Mai Phương**, sinh năm 1982 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn*: Chị **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Đội 09, thôn K, xã V, huyện M, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo D xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

Q ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa A **Nguyễn Văn B** và chị **Nguyễn Thị Q**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* A Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị Q thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyền số 01-2004, ngày 01/3/2004 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện M, tỉnh Hà Tây(Nay là Thành phố Hà Nội) cấp cho A Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị Q không còn giá trị pháp lý.

2.2. *Về con chung:* A Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị Q đều xác nhận có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 21/11/2004; cháu Nguyễn Thu H, sinh ngày 30/10/2006 và cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 16/01/2011. Sau ly hôn giao các cháu Nguyễn Thị Ngọc A, Nguyễn Thu H và Nguyễn Tiến D cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của A Nguyễn Văn B cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng/tháng kể từ ngày 01/4/2021 cho đến khi con chung trưởng thành hoặc các bên có sự thay đổi khác

A Nguyễn Văn B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

2.3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải Q.

2.4. *Về án phí:* A Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị Q mỗi người phải chịu 75.000đ (*B mươi lăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 75.000đ (*B mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. A B được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Chị Q phải nộp 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Q định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện M;
- THADS huyện M;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Hương